TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thống
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc L, sinh năm: 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: Đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Cao Thị Lệ H, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)
Nơi cư trú cuối cùng: Đường M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/01/2018, Bản tự khai ngày 19/3/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Ngọc L trình bày:

Anh (Trần Ngọc L) và chị Cao Thị Lệ H trước khi cưới có tìm hiểu nhau một thời gian rất ngắn rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C,

tỉnh Lâm Đồng vào năm 2002. Sau khi cưới, lúc đầu vợ chồng anh sống tại xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng được khoảng 02 tháng rồi vợ chồng chuyển về sinh sống chung với gia đình anh tại đường M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Cuộc sống vợ chồng ngay từ đầu đã không hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ anh không được thoải mái, anh và chị H thường xuyên có lời qua tiếng lại. Tháng 3/2006, vợ chồng anh cãi nhau và chị H đã bỏ nhà đi đâu, làm gì không rõ. Anh đã tìm kiếm chị H theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã A đã ra Quyết định tuyên bố một người mất tích số: 09/2017/QĐST-VDS ngày 18/12/2017 nhưng đến nay cũng không có tin tức gì về chị H. Anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Vợ chồng có 01 người con chung tên: Trần Lý Cao M1, sinh ngày: 09/10/2002; Hiện nay cháu Minh đang ở với anh. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh xác định không có tài sản chung. Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn chị Cao Thị Lệ H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Ngọc L đối với chị Cao Thị Lệ H. Về con chung: tiếp tục giao cháu Trần Lý Cao M1, sinh ngày 09/10/2002 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị H vì anh L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung, miễn xét. Về án phí: anh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Anh Trần Ngọc L yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung với chị Cao Thị Lệ H, nơi cư trú cuối cùng: đường M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Chị Cao Thị Lệ H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Trần Ngọc L và chị Cao Thị Lệ H đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, giữa anh L và chị H thường xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 3/2006 đến nay chị H đã bỏ nhà đi đâu, làm gì không rõ. Anh L đã áp dụng tất cả các biện pháp tìm kiếm chị H theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không tìm thấy chị H nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A tuyên bố chị H mất tích. Ngày 18/12/2017, chị H bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 09/2017/QĐST-VDS của Tòa án nhân dân thị xã A.

Xét yêu cầu ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng cả anh L và chị H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục sống chung. Chị H đã giải quyết mâu thuẫn vợ chồng bằng cách bỏ nhà đi và cắt đứt mọi liên lạc với anh L. Chị H bị tuyên bố mất tích, anh L yêu cầu ly hôn với chị H nên theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh L và chị H có 01 người con trai chung là cháu Trần Lý Cao M1, sinh ngày: 09/10/2002. Hiện nay cháu M1 đang được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: cháu Trần Lý Cao M1 đang được anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi chị H bỏ nhà ra đi đến nay. Cháu M1 cũng có nguyện vọng ở với anh L khi anh L và chị H ly hôn nên việc giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu M1, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của anh L là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định không có nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Anh L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Ngọc L đối với chị Cao Thị Lệ H.

2. Về con chung:

Anh L và chị H có 01 người con trai chung là cháu Trần Lý Cao M1, sinh ngày: 09/10/2002, hiện đang ở với anh L. Tiếp tục giao cháu Trần Lý Cao M1 cho anh Trần Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị H vì anh L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định không có nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Trần Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008565 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Ngọc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Cao Thị Lệ H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã P;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Đảm